

Bản tin chứng khoán

Trong số này

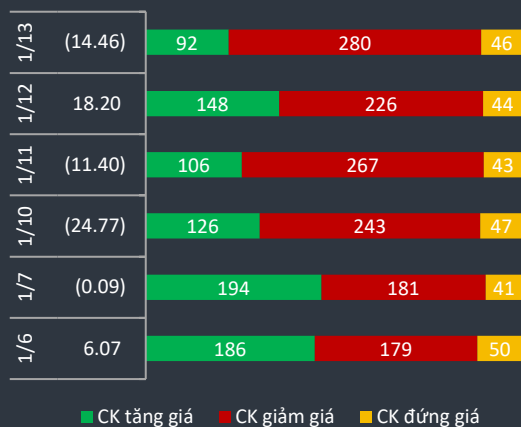
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Thị trường hôm nay tiếp tục giao dịch một chiều đối với nhóm cổ phiếu bất động sản đặc biệt là những cổ phiếu có yếu tố đầu cơ cao. Nhóm FLC đã sàn liên tục trong 3 phiên gần nhất và gần như chỉ có chiều bán ra sau khi tài khoản ông Trịnh Văn Quyết bị phong tỏa. Nhóm cổ phiếu liên quan như FLC, ROS, KLF, AMD, HAI, ART đều giảm hết biên độ và gần như mất thanh khoản. Điều này ảnh hưởng lớn đến nhóm bất động sản khác mang yếu tố đầu cơ cao trong đợt vừa qua như CEO, QCG, DIG, HQC, DXG, SCR, LDG... Có đến gần 30 cổ phiếu bất động sản giảm về giá sàn trong ngày. Phiên sáng một số cổ phiếu còn giữ xanh là cơ hội hiếm hoi để thoát hàng giá tốt vì ngay sau đó thì hầu hết bị chốt giá sàn và mất hẳn lực cầu. Dù đã điều chỉnh 3 phiên trong tuần nhưng nhóm cổ phiếu bất động sản vẫn còn ở mức giá tăng từ 20% - 50% so với 3 tháng trước vì vậy với những nhà đầu tư nắm giữ từ đầu thì thiệt hại chưa đáng kể.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng có phiên thứ hai đóng vai trò nâng đỡ thị trường với hàng loạt cổ phiếu lớn đều tăng từ 2% - 6% như OCB, STB, VIB, CTG, MBB, và đặc biệt BID tăng trần. Tuy nhiên thị trường chỉ giữ được mức xanh nhẹ vào phiên sáng. Khi các tài khoản bị đè nén từ nhóm bất động sản đã khiến dòng tiền bị ép bán sang các nhóm cổ phiếu khác để cân bằng trạng thái. Vì lý do này mà nhóm cổ phiếu ngân hàng không thể kéo mạnh trong ngày mà có phần hạ nhiệt về cuối phiên. Dù sao nhóm ngân hàng vẫn là nhóm ngành duy nhất có sự tăng trưởng trong ngày và cũng là nhóm ngành hút dòng tiền nhiều nhất thị trường với hàng loạt cổ phiếu dẫn đầu giao dịch như STB, CTG, MBB, TPB, TCB.

Một số công ty đã có báo cáo sớm kết quả kinh doanh cuối năm như PHR công bố BCTC công ty mẹ quý IV/2021 với doanh thu thuần 591 tỷ đồng, tăng 14%. Doanh nghiệp cho biết giá bán tăng đã làm cho lợi nhuận từ kinh doanh mủ cao su tăng. Lợi nhuận hoạt động tài chính tăng nhờ tăng tiền thu từ cổ tức. Lũy kế cả năm, doanh thu đạt 1.463 tỷ đồng, tăng 38%. Lãi gộp 184 tỷ đồng, tăng 162%. Biên lợi nhuận gộp tăng từ 6,6% lên 12,57%. Song lợi nhuận khác giảm mạnh từ 959 tỷ đồng về 33 tỷ đồng. Do vậy, lợi nhuận sau thuế giảm 65% xuống 331 tỷ đồng.

Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)

KDH		104.15
BID		88.36
VHM		85.38
CTG		68.82
VIC		51.25
DXG		26.34
HPG		25.09
VCI	(33.49)	
TPB	(38.64)	
SSI	(44.17)	
GEX	(44.69)	
NVL	(61.23)	
VRE	(125.79)	

Vnindex 1,496.05

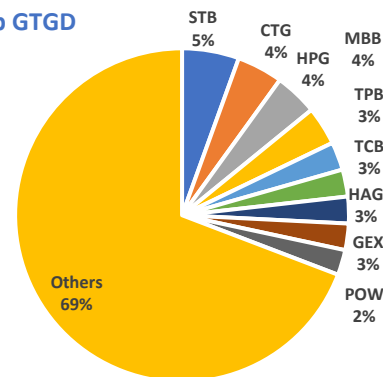
▼ -14.46 (-0.96%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
BID	44.0	1,850	4.39
CTG	35.2	1,000	2.93
FPT	92.1	2,500	2.79
VCB	81.9	1,900	2.38
MBB	29.7	500	1.71
PNJ	94.1	1,400	1.51
DHG	102.5	1,300	1.28
HPG	46.7	500	1.08
ACB	33.4	250	0.76
PDR	90.5	500	0.56
TCB	50.5	100	0.20
VNM	83.1	-	-
BVH	54.0	-	-
REE	66.1	-	-
MSN	144.8	(100)	(0.07)
NVL	83.5	(300)	(0.36)
MWG	135.5	(500)	(0.37)
VPB	35.3	(150)	(0.42)
HDB	30.8	(150)	(0.48)
VIB	46.6	(350)	(0.75)
VJC	122.0	(1,200)	(0.97)
PLX	54.2	(600)	(1.09)
STB	34.3	(400)	(1.15)
SAB	151.0	(1,800)	(1.18)
HVN	22.7	(300)	(1.31)
VHM	82.2	(1,400)	(1.67)
TPB	42.2	(850)	(1.98)
VIC	98.8	(2,000)	(1.98)
BCM	77.9	(2,000)	(2.50)
GAS	105.0	(3,000)	(2.78)
SSI	48.9	(1,650)	(3.27)
GVR	35.5	(1,500)	(4.05)
VRE	33.8	(2,200)	(6.11)
POW	16.9	(1,250)	(6.89)



Top GTGD



Chỉ số Vnindex rơi trở lại hơn 14 điểm trong ngày và đưa chỉ số Vnindex tiếp tục lụi xuống dưới ngưỡng 1500. Nhóm cổ phiếu bất động sản đặc biệt là nhóm cổ phiếu được vay margin cao sẽ tiếp tục bị bán mạnh ít nhất thêm vài phiên tới. Việc thoát hàng sớm vẫn là ưu tiên hàng đầu do nhiều cổ phiếu đã tăng vượt giá trị doanh nghiệp khá xa. Dòng tiền sẽ tìm đến nhóm ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và những ngành nhỏ hẹp hơn như dệt may, điện, bán lẻ trong thời gian tới. Dù vậy thị trường đang trong giai đoạn căng thẳng margin và xu hướng giằng co sẽ còn tiếp tục. Nhà đầu tư cần giữ tỷ trọng tiền mặt cao hơn và chỉ mua dần tích lũy ở những nhịp điều chỉnh sâu. Nhóm cổ phiếu quan tâm: OCB, CTG, BID, MBB, TCB, VPB, SSI, VCI, STK, GVR.

Danh mục mua trung hạn mở mới trạng thái mua vào với các cổ phiếu OCB, TCB, CTG, STK.

Cổ phiếu quan tâm

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ	vốn
OCB	26.9	(5.7)	24	35	Mua mới quanh 26, mục tiêu 34	1/13/2022	0.0%	26.9
TCB	50.5	(4.1)	40	65	Mua mới quanh 50, mục tiêu 65	1/13/2022	1.0%	50.0
CTG	35.2	(4.3)	30	45	Mua mới quanh 33-35, Mục tiêu 45	1/13/2022	0.6%	35.0
STK	53.0	(3.5)	50	70	Mua quanh 51-53, Mục tiêu 70	1/13/2022	0.0%	53.0
VIB	46.6	(4.8)	40	60	Mua quanh 45-47, Mục tiêu 60	1/4/2022	-0.9%	47.0
MBB	29.7	(2.7)	25	35	Nằm giữ, mục tiêu 35	1/4/2022	2.4%	29.0
DBC	71.4	(3.0)	70	90	Mua quanh 74	1/6/2022	-3.5%	74.0
MWG	135.5	(3.6)	125	160	Mua quanh 130-135.	1/4/2022	0.4%	135.0
DGW	121.6	(4.3)	120	150	Mở mua mới quanh 125, Mục tiêu 150	1/4/2022	-2.7%	125.0
LCG	23.7	9.3	15	30	Nằm giữ, mục tiêu 30	9/28/2021	69.3%	14.0
GVR	35.5	(0.4)	28	47	Nằm giữ, mục tiêu 47	7/12/2021	20.7%	29.4
HCM	41.8	(5.7)	44	60	Nằm giữ	7/12/2021	22.9%	34.0
VCI	63.0	(8.5)	47	80	Nằm giữ, Mua thêm quanh 65	7/12/2021	28.6%	49.0
SSI	48.9	(6.2)	45	60	Nằm giữ	7/12/2021	48.2%	33.0
HPG	46.7	(2.2)	44	65	Nằm giữ, mua thêm quanh 45-47	7/12/2021	3.8%	45.0
PET	36.2	5.8	25	45	Chốt lời năm 2021	10/6/2021	29.3%	28.0

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

TDH	3.46
EVE	3.68
BMI	3.70
SFG	4.21
TSC	4.21
BID	4.39
YEG	6.78
YEG	6.78

Top tăng giá HNX

MST	4.05
NTP	5.27
VTJ	5.56
AME	9.15
VIE	9.40
PTS	9.40
SDA	9.57
KST	9.83
VBC	9.91
LHC	9.95
HTP	9.98
S74	14.43

HBC - CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình – Đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 với chỉ tiêu doanh thu 20.000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 420 tỷ đồng.

THI - CTCP Thiết bị điện - Đã bán xong 4,8 triệu cổ phiếu quỹ đăng ký bán từ ngày 27/12/2021 đến 11/1/2022 theo phương thức khớp lệnh, với giá bán bình quân 30.265 đồng/cổ phiếu.

PTC - CTCP Đầu tư và Xây dựng Bưu điện - Đã bán 1,7 triệu cổ phiếu quỹ từ ngày 27/12/2021 đến 11/1/2022 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh, với giá bán bình quân 38.841 đồng/cổ phiếu.

NGC - CTCP Chế biến Thủy sản Xuất khẩu Ngô Quyền - Quý 4/2021, NGC ghi nhận hơn 99 tỷ đồng doanh thu thuần cao gấp 21 lần cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 3 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lỗ 1,3 tỷ đồng.

Luỹ kế cả năm 2021, NGC đạt 175,7 tỷ đồng doanh thu thuần cao gấp gần 10 lần cùng kỳ. LNST đạt hơn 8,2 tỷ đồng. Đáng chú ý trước đó trong cả 2 năm 2019 và 2020 NGC đã lần lượt báo lỗ 15,6 tỷ đồng và gần 17 tỷ đồng.

OCB - Ngân hàng TMCP Phương Đông – Đã thông qua phương án phát hành 5 triệu cổ phiếu ESOP với giá 10.000 đồng/cổ phiếu và 0,88 triệu cổ phiếu riêng lẻ với giá chào bán 25.571 đồng/cổ phiếu. Thời gian thực hiện trong quý I/2022.

HCD - Quý 4 doanh thu thuần đạt gần 192 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ. Sau khi trừ các khoản chi phí HCD lãi sau thuế gần 14 tỷ đồng cao gấp hơn 17 lần quý 4/2020.

Luỹ kế cả năm 2021, HCD đạt 732 tỷ đồng doanh thu thuần tăng 48% so với cùng kỳ, LNST đạt hơn 48 tỷ đồng cao gấp 34 lần cùng kỳ năm ngoái, tương đương EPS đạt 1.793 đồng.

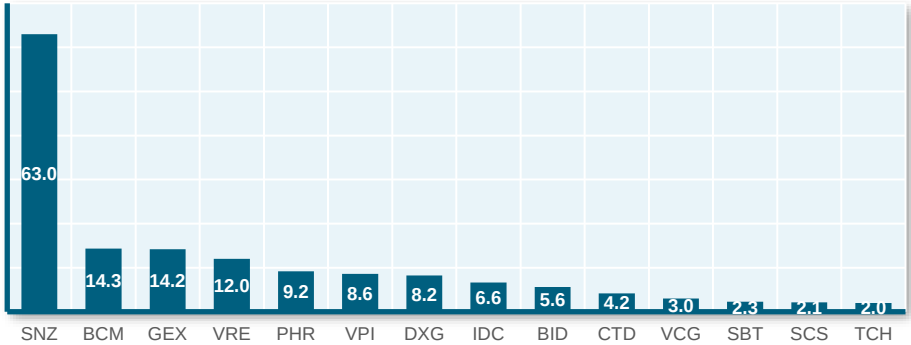
TDG - CTCP Đầu tư TDG Global – Đã thông qua phương án phát hành 40.000 trái phiếu không chuyển đổi, không tài sản đảm bảo, giá phát hành bằng mệnh giá là 1 triệu đồng/trái phiếu, tương ứng tổng giá trị 40 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 12,5%/năm. Thời gian thực hiện trong quý I/2022.

SAF - CTCP Lương thực Thực phẩm Safoco - Ngày 14/1 là ngày giao dịch không hưởng quyền tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng là 17/1. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 30%, thanh toán bắt đầu từ ngày 25/1/2022.

NHA - Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội - Ngày 21/1 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu. Công ty dự kiến sẽ phát hành hơn 14 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền, cứ 2 quyền



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



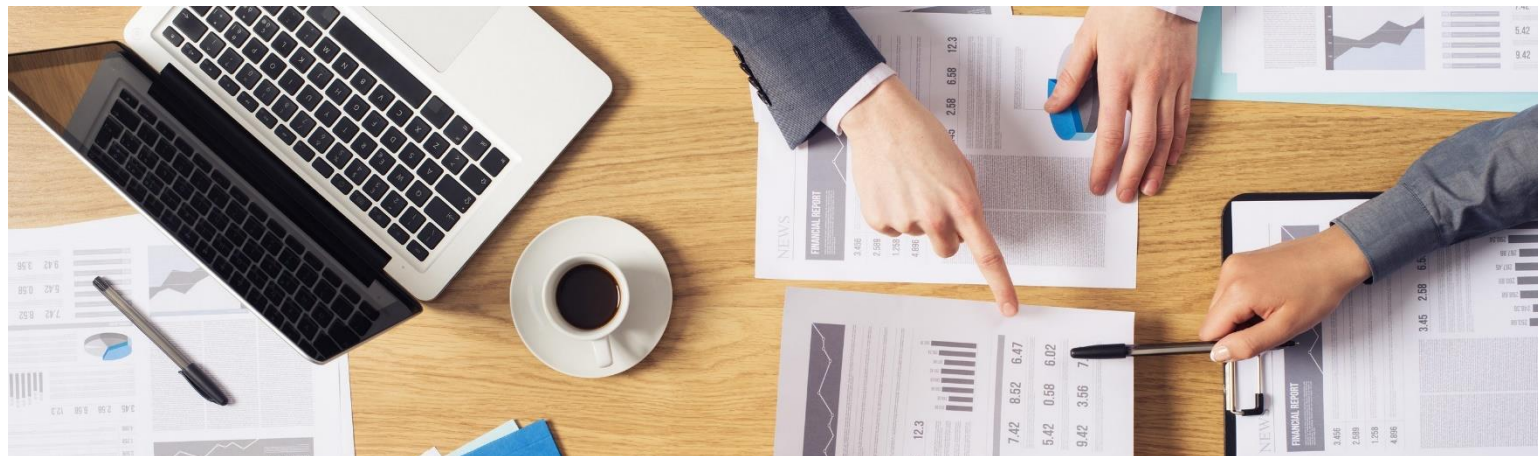
Thông kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
VPB	UPCOM	35.3	15,856,600	7.0	1.4	-	269,800	156,703	17.10	5,056	24,447
VIB	HOSE	46.6	4,106,800	8.3	3.4	15,300	13,600	72,376	20.48	5,638	13,552
VCB	UPCOM	81.9	2,532,800	14.8	2.9	155,700	228,600	387,593	23.56	5,532	28,293
VBB	HNX	17.9	117,127	21.6	1.5	-	-	8,551	-	830	11,579
VAB	HOSE	18.2	3,482,040	15.2	1.3	3,000	-	8,098	0.01	1,196	13,597
TPB	HOSE	42.2	17,622,800	9.2	2.2	153,400	1,041,300	66,671	29.32	4,565	18,925
TCB	HOSE	50.5	14,417,100	10.9	2.1	25,400	38,900	177,301	22.47	4,614	23,938
STB	UPCOM	34.3	43,947,500	17.8	2.0	1,323,100	2,009,400	64,663	17.84	1,922	16,846
SSB	HOSE	41.6	2,293,800	24.1	3.4	16,400	152,100	61,505	0.06	1,723	12,310
SHB	HOSE	22.3	18,076,100	10.2	1.6	467,900	424,300	59,338	3.27	2,183	14,014
SGB	HNX	19.4	566,351		1.6	-	-	5,975	4.96	344	12,114
PGB	HOSE	32.0	147,575	43.3	2.4	-	-	9,600	15.00	739	13,529
OCB	HNX	26.9	4,722,900	7.1	1.5	159,800	52,900	36,850	21.99	3,799	17,827
NVB	HOSE	39.6	164,890		3.7	1,700	-	16,109	8.33	205	10,726
NAB	HOSE	20.4	665,563	6.1	1.2	-	600	10,474	0.03	3,367	16,324
MSB	HOSE	28.0	10,938,700	8.5	1.6	-	-	42,770	30.00	3,291	17,552
MBB	HOSE	29.7	34,751,600	7.6	1.5	228,400	427,700	112,216	23.24	3,897	19,986
LPB	HOSE	22.0	14,626,200	8.5	1.5	57,800	29,100	26,479	4.12	2,591	14,466
KLB	HOSE	26.5	410,545	13.0	1.9	-	-	9,579	0.01	2,035	14,117
HDB	HOSE	30.8	10,388,600	8.0	1.8	727,100	844,700	61,976	17.15	3,854	17,399
EIB	HOSE	34.2	1,107,800	39.1	2.4	50,600	-	42,047	29.74	874	14,061
CTG	HOSE	35.2	35,122,100	8.0	1.4	2,373,200	456,300	168,922	25.70	4,394	25,028
BVB	HOSE	22.3	4,689,580	19.3	1.8	1,500	500	8,186	0.06	1,157	12,737
BID	HOSE	44.0	9,664,800	17.5	2.1	2,087,500	124,900	222,575	16.69	2,512	21,036
BAB	HOSE	23.2	117,460	24.4	1.9	-	-	17,473	-	950	12,242
ACB	HOSE	33.4	6,511,900	7.2	2.2	-	-	90,110	30.00	4,621	14,945
ABB	HOSE	21.4	2,867,623	7.6	1.3	-	-	12,226	30.00	2,801	16,671
			259,916,854	14.58	1.99	7,847,800	6,114,700	1,956,367		2,766	16,602



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	ASM	HOSE	14/01/2022	17/01/2022		Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:30	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2	BSP	UPCoM	13/01/2022	14/01/2022	27/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	GDT	HOSE	10/1/2022	11/1/2022		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10	Thưởng cổ phiếu
4	VNM	HOSE	10/1/2022	11/1/2022	25/02/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 1,400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	DHA	HOSE	10/1/2022	11/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 3,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	SAB	HOSE	7/1/2022	10/1/2022	27/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	HTC	HNX	7/1/2022	10/1/2022	26/01/2022	Trả cổ tức đợt 3/2021 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	DPH	UPCoM	7/1/2022	10/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	NDW	UPCoM	6/1/2022	7/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 480 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	BST	HNX	6/1/2022	7/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	ACC	HOSE	6/1/2022	7/1/2022		Thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, tỷ lệ 10:25, giá 10,000 đồng/CP	Phát hành thêm
12	TLG	HOSE	5/1/2022	6/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	VXT	UPCoM	5/1/2022	6/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	DHP	HNX	5/1/2022	6/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	EAD	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	24/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	BWS	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HD6	UPCoM	4/1/2022	5/1/2022	20/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	NTL	HOSE	4/1/2022	5/1/2022	21/01/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	TBC	HOSE	31/12/2021	4/1/2021	21/02/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	NSC	HOSE	31/12/2021	4/1/2022	28/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	DHN	UPCoM	31/12/2021	4/1/2022	14/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	DHN	UPCoM	31/12/2021	4/1/2022	14/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	BCF	HNX	31/12/2021	4/1/2022	17/01/2022	Trả cổ tức đợt 2/2021 bằng tiền, 500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	BWE	HOSE	31/12/2021	4/1/2022	21/04/2022	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	PAI	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021	25/01/2022	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	SIV	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021	21/01/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	EMS	UPCoM	30/12/2021	31/12/2021		Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 10000:909	Thưởng cổ phiếu
28	TDM	HOSE	30/12/2021	31/12/2021	26/04/2022	Trả cổ tức năm 2021 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt



Tổng hợp kết quả kinh doanh Q3.2021

Ngành	Số DN	DT 9T.2020	DT 9T.2021	%	LN 9T.2020	LN 9T.2021	%
Ngân hàng	27	198,839.82	258,217.79	29.9%	75,681.66	109,596.51	44.8%
Bất động sản	79	184,251.23	231,588.94	25.7%	29,047.18	43,326.16	49.2%
Dịch vụ tài chính	39	18,811.40	34,391.88	82.8%	4,065.13	12,078.97	197.1%
Dầu khí	22	272,421.96	332,746.37	22.1%	2,927.65	14,305.20	388.6%
Thực phẩm và đồ uống	75	235,815.68	251,010.55	6.4%	20,759.15	21,700.93	4.5%
Sản xuất và KD Thép	26	170,680.56	253,124.22	48.3%	9,969.25	35,433.69	255.4%
Bất động sản KCN	21	34,477.69	41,022.64	19.0%	5,523.15	7,474.69	35.3%
Điện	43	113,909.05	93,270.96	-18.1%	6,746.48	10,271.53	52.3%
Vận tải - Logistics	73	69,641.33	84,393.96	21.2%	4,567.27	7,087.62	55.2%
Công nghệ Thông tin	19	27,754.20	31,441.29	13.3%	2,746.08	3,226.76	17.5%
Vật liệu xây dựng	41	39,182.16	41,188.56	5.1%	3,360.53	3,735.53	11.2%
Bảo hiểm	12	44,114.42	47,818.64	8.4%	3,138.99	3,967.79	26.4%
Phân bón	13	26,744.35	36,070.62	34.9%	25.91	2,392.16	9132.5%
Xây dựng	113	113,332.43	122,912.58	8.5%	6,146.17	5,131.11	-16.5%
Y tế	35	38,315.15	35,467.99	-7.4%	2,125.84	2,229.91	4.9%
Hóa chất	24	32,936.63	47,082.16	42.9%	1,767.42	2,580.47	46.0%
Nước	48	16,177.90	16,359.90	1.1%	2,097.46	2,345.69	11.8%
Hàng cá nhân & Gia dụng	30	35,690.97	36,240.25	1.5%	1,933.16	1,910.13	-1.2%
Dệt May	21	40,979.66	42,409.79	3.5%	1,183.75	2,031.11	71.6%
Thủy sản	23	41,516.25	44,539.74	7.3%	1,929.57	2,157.15	11.8%
Khoáng sản	30	46,601.30	56,333.45	20.9%	762.00	1,065.63	39.8%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	69	59,365.08	67,950.53	14.5%	7,089.88	8,602.05	21.3%
Tài nguyên Cơ bản	19	17,407.79	21,540.43	23.7%	473.80	1,298.03	174.0%
Bán lẻ	23	135,505.76	150,335.61	10.9%	3,311.69	4,719.81	42.5%
Cao su	13	2,861.45	3,884.68	35.8%	314.82	730.75	132.1%
Truyền thông	28	5,963.07	6,134.91	2.9%	439.38	609.73	38.8%
Ô tô và phụ tùng	11	27,097.78	25,469.26	-6.0%	644.48	538.95	-16.4%
Bao bì	16	14,803.44	20,276.07	37.0%	576.74	271.83	-52.9%
Xây dựng và Vật liệu	59	22,218.41	21,591.16	-2.8%	1.88	223.43	11763.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	5	5,102.99	5,239.13	2.7%	48.41	83.41	72.3%
Viễn thông	5	25,840.95	25,954.55	0.4%	2,844.94	1,313.18	-53.8%
Du lịch và Giải trí	28	12,473.61	10,452.49	-16.2%	(16.79)	(222.92)	
Tổng Cộng	1090	2,130,834.48	2,496,461.13	17.2%	202,233.03	312,217.00	54.4%



BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931